TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 8 năm 2017
V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46^{A}/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 46^{B}/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Như Q, sinh năm 1994. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1988. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Q1, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Như Q trình bày :

Chị kết hôn với anh Nguyễn Duy T vào ngày 31/10/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B1, huyện K. Sau khi kết hôn, chị sống với gia đình anh T tại Thôn Q1, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc được hai năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mỗi người một ý, không hòa hợp nhau, anh T không lo làm kinh tế, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều khi anh T đi uống rượu về chửi

mắng, đánh đập chị, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do không thể tiếp tục sống chung với anh T, nên sau khi sinh con, vào khoảng tháng 7/2013 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của mình ở thôn X, xã B, huyện K sống, anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị đã cắt đứt liên lạc, không có sự quan tâm đến nhau, nhận thấy giữa chị và anh T không còn tình cảm, không còn thương yêu nhau, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 28/5/2013, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không hợp tác làm việc nên không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại các Điều 35; 39; 48; 68; 96; 97; 195; 196; 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Đề nghị Tòa án cho chị Q được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Giao con cho chị Q chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị Q không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Phạm Thị Như Q có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Duy T. Đây là quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Bị đơn anh Nguyễn Duy T hiện đang trú tại: Thôn Q1, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đăk Lăk

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Duy T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Duy T vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Như Q kết hôn với anh Nguyễn Duy T vào ngày 31/10/2011 trên cở sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B1, huyện K, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Q xác định nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm, mỗi người một ý, không hòa hợp nhau, anh T không lo làm kinh tế, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nhiều khi anh T đi uống rượu về chửi mắng, đánh đập chị, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh T và chị Q đã ly thân từ tháng 7/2013 đến nay.

Kết quả xác minh mâu thuẫn tại địa phương xác định: Quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị Q đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng không trình báo chính quyền cơ sở để can thiệp giải quyết. Anh T, chị Q không còn sống chung với nhau từ năm 2013 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Chị Q và anh T đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, chị Q đã cương quyết xin ly hôn với anh T vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, anh T và chị Q có 01 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 28/5/2013, hiện đang sống với chị Q. Nhận thấy, từ khi sinh ra cho đến nay, cháu M được chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện nay cháu M vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, do đó cần tiếp tục giao cháu M cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Như Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Như Q.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Như Q được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 28/5/2013 cho chị Phạm Thị Như Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Như Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Q xác định không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Như Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Q đã nộp tại biên lai số 0040485 ngày 14/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND tt B1, h. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đại Minh